



Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT
Email: info@becamexijc.com
Ngày ký: 30/07/2025 10:55:12 +07:00
Xác thực bởi: Viettel-CA SHA2

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 08.../QĐ-IJC

TP.HCM, ngày 30 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**(V/v ban hành giá bán nhà NOCN lô HL-F9 (40 căn) Khu nhà ở IJC Hòa
Lợi, phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh)**

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc Công ty;
- Căn cứ tờ trình Phê duyệt chủ trương duyệt giá bán nhà ở 40 căn NOCN lô HL-F9 dự án Khu nhà ở IJC Hòa Lợi, phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh được phê duyệt ngày 28/07/2025.

Phòng kinh doanh và Phát triển dự án trình Tổng Giám đốc ban hành quyết định giá bán nhà NOCN lô HL-F9 (40 căn) Khu nhà ở IJC Hòa Lợi.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành giá bán nhà NOCN lô HL-F9 (40 căn) Khu nhà ở IJC Hòa Lợi, phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

STT	Lô	Số Ô	Đường	DT đất (m2)	DT Sàn XD	Đơn giá Đất	Giá bán nhà		
							Giá trị QSDĐ	Đơn giá nhà + CSHT	Tổng giá trị HĐ (gồm VAT)
1	F9	6	DH13	150	211	19.000.000	2.850.000.000	1.030.000.000	3.880.000.000
2	F9	7	DH13	150	211	19.000.000	2.850.000.000	1.030.000.000	3.880.000.000
3	F9	8	DH13	150	211	19.000.000	2.850.000.000	1.030.000.000	3.880.000.000
4	F9	9	DH13	150	211	19.000.000	2.850.000.000	1.030.000.000	3.880.000.000
5	F9	10	DH13	150	211	19.000.000	2.850.000.000	1.030.000.000	3.880.000.000
6	F9	11	DH13	150	211	19.000.000	2.850.000.000	1.030.000.000	3.880.000.000
7	F9	12	DH13	150	211	19.000.000	2.850.000.000	1.030.000.000	3.880.000.000
8	F9	13	DH13	150	211	19.000.000	2.850.000.000	1.030.000.000	3.880.000.000
9	F9	14	DH13	150	211	19.000.000	2.850.000.000	1.030.000.000	3.880.000.000



STT	Lô	Số Ô	Đường	DT đất (m2)	DT Sàn XD	Đơn giá Đất	Giá bán nhà		
							Giá trị QSDĐ	Đơn giá nhà + CSHT	Tổng giá trị HĐ (gồm VAT)
10	F9	15	DH13	150	211	19.000.000	2.850.000.000	1.030.000.000	3.880.000.000
11	F9	16	DH13	150	211	19.000.000	2.850.000.000	1.030.000.000	3.880.000.000
12	F9	17	DH13	150	211	19.000.000	2.850.000.000	1.030.000.000	3.880.000.000
13	F9	18	DH13	150	211	19.000.000	2.850.000.000	1.030.000.000	3.880.000.000
14	F9	19	DH13	150	211	19.000.000	2.850.000.000	1.030.000.000	3.880.000.000
15	F9	20	DH13	150	211	19.000.000	2.850.000.000	1.030.000.000	3.880.000.000
16	F9	21	DH13	150	211	19.000.000	2.850.000.000	1.030.000.000	3.880.000.000
17	F9	22	DH13	150	211	19.000.000	2.850.000.000	1.030.000.000	3.880.000.000
18	F9	23	DH13	150	211	19.000.000	2.850.000.000	1.030.000.000	3.880.000.000
19	F9	24	DH13	150	211	19.000.000	2.850.000.000	1.030.000.000	3.880.000.000
20	F9	25	DH13	150	211	19.000.000	2.850.000.000	1.030.000.000	3.880.000.000
21	F9	26	DH13	150	211	19.000.000	2.850.000.000	1.030.000.000	3.880.000.000
22	F9	27	DH13	150	211	19.000.000	2.850.000.000	1.030.000.000	3.880.000.000
23	F9	28	DH13	150	211	19.000.000	2.850.000.000	1.030.000.000	3.880.000.000
24	F9	29	DH13	150	211	19.000.000	2.850.000.000	1.030.000.000	3.880.000.000
25	F9	30	DH13	150	211	19.000.000	2.850.000.000	1.030.000.000	3.880.000.000
26	F9	31	DH13	150	211	19.000.000	2.850.000.000	1.030.000.000	3.880.000.000
27	F9	32	DH13	150	211	19.000.000	2.850.000.000	1.030.000.000	3.880.000.000
28	F9	33	DH13	150	211	19.000.000	2.850.000.000	1.030.000.000	3.880.000.000
29	F9	34	DH13	150	211	19.000.000	2.850.000.000	1.030.000.000	3.880.000.000
30	F9	35	DH13	150	211	19.000.000	2.850.000.000	1.030.000.000	3.880.000.000
31	F9	36	DH13	150	211	19.000.000	2.850.000.000	1.030.000.000	3.880.000.000
32	F9	37	DH13	150	211	19.000.000	2.850.000.000	1.030.000.000	3.880.000.000
33	F9	38	DH13	150	211	19.000.000	2.850.000.000	1.030.000.000	3.880.000.000
34	F9	39	DH13	150	211	19.000.000	2.850.000.000	1.030.000.000	3.880.000.000



STT	Lô	Số Ô	Đường	DT đất (m2)	DT Sàn XD	Đơn giá Đất	Giá bán nhà		
							Giá trị QSDD	Đơn giá nhà + CSHT	Tổng giá trị HĐ (gồm VAT)
35	F9	40	DH13	150	211	19.000.000	2.850.000.000	1.030.000.000	3.880.000.000
36	F9	41	DH13	150	211	19.000.000	2.850.000.000	1.030.000.000	3.880.000.000
37	F9	42	DH13	150	211	19.000.000	2.850.000.000	1.030.000.000	3.880.000.000
38	F9	43	DH13	150	211	19.000.000	2.850.000.000	1.030.000.000	3.880.000.000
39	F9	44	DH13	150	211	19.000.000	2.850.000.000	1.030.000.000	3.880.000.000
40	F9	44	DH13	150	211	19.000.000	2.850.000.000	1.030.000.000	3.880.000.000
Tổng lô F9				6.000			114.000.000.000	41.200.000.000	155.200.000.000

❖ Ghi chú: Nhà đã được xây dựng hoàn thiện.

Điều 2. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Tiến độ thanh toán:

- Đặt cọc: 300.000.000 đồng, ký Thỏa thuận đặt cọc. Thời gian đặt cọc 30 ngày.
- Đợt 1: Thanh toán 20% giá trị Hợp đồng, ký Hợp đồng mua bán nhà ở trong vòng 5 ngày kể từ ngày thanh toán.
- Đợt 2: Thanh toán 15% giá trị Hợp đồng trong vòng 60 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng và nhận bàn giao nhà.
- Đợt 3: Thanh toán 30% giá trị Hợp đồng trong tháng 08/2026.
- Đợt 4: Thanh toán 30% giá trị Hợp đồng trong tháng 04/2027.
- Đợt 5: Thanh toán 5% giá trị Hợp đồng khi nhận QSH nhà và đất.

2. Giảm giá thanh toán:

- Giảm giá 2% giá trị Hợp đồng cho mỗi căn, nếu một khách hàng đứng tên mua từ 02 căn.
- Giảm giá 3% giá trị Hợp đồng cho mỗi căn, nếu một khách hàng đứng tên mua từ 04 căn.
- Giảm giá chuyển nhượng QSDD xuống còn 17.500.000 đồng/m² cho khách hàng thanh toán 95% giá trị Hợp đồng trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký Thỏa thuận đặt cọc.

Điều 3: Phòng Kinh doanh và Phát triển Dự án, Phòng Quản lý Tài chính và các phòng Ban liên quan trong Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

***Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu trữ: VT.



Trịnh Thanh Hùng

